

Số: 24 /2009/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2009

THÔNG TƯ

**Ban hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở
áp dụng đối với các đơn vị hoạt động thông tin và truyền thông**

CỤC ỨNG DỤNG CNTT

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 17.17.....

ngày 20 tháng 8 năm 2009

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

- Căn cứ Luật Thống kê ngày 17/6/2003;
- Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Căn cứ Quyết định số 305/2005/QĐ-TTg ngày 24/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;
- Căn cứ Quyết định số 111/2008/QĐ-TTg ngày 15/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành;
- Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính,

QUY ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với các đơn vị hoạt động thông tin và truyền thông.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/10/2009. Bãi bỏ Quyết định số 1141/QĐ-BBCVT ngày 15/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn thông ban hành tạm thời chế độ báo cáo nghiệp vụ đối với doanh nghiệp bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, các Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, các Tổng Giám đốc, Giám đốc Đài Phát thanh, Đài Truyền hình, các Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát, viễn thông, Internet, công nghệ thông tin chịu trách nhiệm thi hành thông tư này.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TƯ
- Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.



Trần Đức Lai

**CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ CƠ SỞ
ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

*Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2009/TT-TTTT ngày 23/7/2009
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông*

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Mục đích:

Phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ về các hoạt động thông tin và truyền thông. Bảo đảm thực hiện Quyết định số 111/2008/QĐ-TTg ngày 15/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành.

2. Nguyên tắc xây dựng:

- a. Bảo đảm đáp ứng nhu cầu thông tin. Đáp ứng các chỉ tiêu thống kê quốc gia mà Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chính trong việc thu thập và tổng hợp. Đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về các lĩnh vực mà Bộ Thông tin và Truyền thông được phân công, trên phạm vi toàn ngành, địa phương và vùng lãnh thổ.
- b. Bảo đảm tính khả thi. Các chỉ tiêu báo cáo, mức độ chi tiết của các số liệu, kỳ cung cấp và phân công thu thập có khả năng thực hiện được trên thực tế, phù hợp với tổ chức và nguồn lực của các đơn vị. Số liệu báo cáo đảm bảo khai thác thông tin từ chính các dữ liệu quản trị của các đơn vị báo cáo.
- c. Bảo đảm tính thống nhất. Các báo cáo thống nhất về chỉ tiêu, biểu mẫu, phương pháp tính, đơn vị đo lường, niên độ báo cáo và đảm bảo so sánh quốc tế.
- d. Bảo đảm không trùng lặp. Chế độ báo cáo bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo giữa các kênh thông tin báo cáo đang áp dụng.

3. Phạm vi thống kê:

Số liệu báo cáo thống kê cơ sở hoàn toàn thuộc phạm vi theo dõi, quản trị của đơn vị báo cáo.

4. Đơn vị báo cáo:

Đơn vị báo cáo được ghi cụ thể tại góc trên bên trái của từng mẫu biểu thống kê, gồm các tổ chức, pháp nhân tham gia hoạt động thông tin và truyền thông tại Việt Nam.

5. Thời hạn báo cáo:

Thời hạn nhận báo cáo được ghi cụ thể tại từng biểu mẫu báo cáo.

Để kịp thời phục vụ báo cáo công tác 6 tháng đầu năm, báo cáo công tác năm của các Sở Thông tin Truyền thông và Bộ Thông tin và Truyền thông, riêng đối với báo cáo Quý II và báo cáo năm - đơn vị gửi báo cáo Quý II trước ngày 15/5, gửi báo cáo năm trước ngày 15/11 (số liệu sơ bộ hoặc ước tính). Sau đó đơn vị gửi báo cáo chính thức theo thời hạn quy định trên các biểu báo cáo.

Khi Bộ, Sở, Cục yêu cầu báo cáo đột xuất (lúc chưa đến hạn báo cáo, hoặc chưa có số liệu chính thức), đơn vị được sử dụng con số ước tính. Các số ước tính phải được cập nhật số chính thức khi đến hạn báo cáo.

6. Phương thức gửi báo cáo:

Các báo cáo thống kê được thực hiện dưới 2 hình thức: bằng văn bản và bằng điện tử. Báo cáo bằng văn bản có chữ ký, đóng dấu của thủ trưởng đơn vị, số điện thoại cố định, di động, hộp thư điện tử của người lập biểu để thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu, xử lý dữ liệu. Báo cáo điện tử thực hiện bằng cách gửi thư điện tử kèm tệp dữ liệu báo cáo hoặc thực hiện trực tiếp trên web.

Trường hợp doanh nghiệp có nhiều chi nhánh (cơ sở kinh doanh) ở một tỉnh/TP thì phải chỉ định một đơn vị làm đầu mỗi báo cáo Sở.

Tại một tỉnh/thành phố mà doanh nghiệp hoặc chưa có chi nhánh hoặc không mở chi nhánh hoặc tổ chức kinh doanh theo cấp vùng gồm (nhiều tỉnh/TP) thì Trưởng chi nhánh phụ trách vùng tương ứng (hoặc lãnh đạo doanh nghiệp) ký duyệt báo cáo gửi Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh/thành phố đó.

II. DANH MỤC BIỂU MẪU BÁO CÁO

Stt	Ký hiệu biểu	Tên biểu báo cáo	Kỳ báo cáo	Đơn vị thực hiện	Đơn vị nhận, xử lý, tổng hợp báo cáo
1	03/CT	Số lượng chương trình phát thanh, truyền hình	Năm	Tất cả các Đài phát thanh, Đài truyền hình	Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Quản lý Phát thanh Truyền hình và Thông tin điện tử)
2	03/PT	Số giờ chương trình và số giờ phát sóng phát thanh	Năm	Đài Tiếng nói VN, Đài Phát thanh các tỉnh, TP	
3	03/PTX	Danh sách xã chưa được phủ sóng phát thanh	Năm	Đài Phát thanh các tỉnh, TP	
4	03/TH	Số giờ chương trình và số giờ phát sóng truyền hình	Năm	Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Truyền hình kỹ thuật số VTC, Đài Truyền hình các tỉnh, TP	
5	04/CS	Hoạt động bưu chính, chuyển phát trên địa bàn	Quý, năm	Chi nhánh/đơn vị trực thuộc doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát; doanh nghiệp chuyển phát do Sở cấp phép	Sở Thông tin và Truyền thông
6	04/DB	Hoạt động bưu chính, chuyển phát	Năm	Doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát	Bộ Thông tin và Truyền thông
7	04/XNK	Thanh toán quốc tế dịch vụ bưu chính, chuyển phát	Quý, năm	Doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát có thanh toán quốc tế	
8	05/CS	Hoạt động viễn thông trên địa bàn	Tháng, quý, năm	Chi nhánh/đơn vị trực thuộc doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn	Sở Thông tin và Truyền thông
9	05/DB	Hoạt động viễn thông		Doanh nghiệp viễn thông	Bộ Thông tin và Truyền thông
10	05/XNK	Thanh toán quốc tế dịch vụ viễn thông - Internet	Quý, năm	Doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp Internet	
11	06/CS	Hoạt động Internet trên địa bàn	Tháng, quý, năm	Chi nhánh/đơn vị trực thuộc doanh nghiệp Internet trên địa bàn	Sở Thông tin và Truyền thông
12	06/DB	Hoạt động Internet		Doanh nghiệp Internet	Bộ Thông tin và Truyền thông
13	07/DS	Hoạt động công nghệ thông tin	Năm	Doanh nghiệp hoạt động công nghệ thông tin	-Sở Thông tin và Truyền thông -Sở TTTT và Bộ TTTT (đối với các Tổng Công ty 90, 91)

<Tên Đài Phát
thanh, Truyền
hình>

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU 03/CT
Ngày nhận: Ngày
15/3 năm sau

**SỐ LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH,
TRUYỀN HÌNH**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2009/TT-BTTTT)

Kỳ báo cáo: Năm 20...

Kính gửi: Cục Quản lý Phát thanh Truyền hình và Thông tin điện tử -
Bộ Thông tin và Truyền thông (*)

Đơn vị tính: Chương trình

Mã số	Tên chi tiêu	Số lượng	Ghi chú
A	B	1	2
1	Số lượng chương trình phát thanh		
1.1	Hệ Thời sự - Chính trị - Tổng hợp		
1.2	Hệ Văn hoá - Đời sống - Khoa giáo		
1.3	Hệ Âm nhạc - Thông tin - Giải trí		
1.4	Hệ phát thanh dân tộc		
1.5	Hệ phát thanh đối ngoại		
1.6	Hệ phát thanh có hình		
2	Số lượng chương trình truyền hình		
	<i>Chia theo ngôn ngữ</i>		
2.1	Tiếng Kinh		
2.2	Tiếng nước ngoài		
2.3	Tiếng dân tộc ít người Việt Nam		
	<i>Chia theo nội dung chương trình</i>		
2.4	Tin tức - Thời sự		
2.5	Khoa học - Giáo dục		
2.6	Thể thao - Giải trí - Thông tin kinh tế		
2.7	Thanh thiếu niên		
2.8	Nội dung khác		

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

Số ĐT cố định
Số ĐT di động
Hộp thư điện tử

... ngày ... / ... /20...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

(*) Đài phát thanh, Truyền hình của các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương gửi thêm 01 bản báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông

<Tên Đài Phát
thanh>

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU 03/PT
Ngày nhận: ngày
15/3 năm sau

**SỐ GIỜ CHƯƠNG TRÌNH
VÀ SỐ GIỜ PHÁT SÓNG PHÁT THANH**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2009/TT-BTTTT)
Kỳ báo cáo: Năm 20...

Kính gửi: Cục Quản lý Phát thanh Truyền hình và Thông tin điện tử -
Bộ Thông tin và Truyền thông (*)

Đơn vị tính: Giờ

Mã số	Tên chi tiêu	Số lượng	Ghi chú
A	B	1	2
1	Số giờ chương trình phát thanh		
1.1	Hệ Thời sự-Chính trị-Tổng hợp		
1.2	Hệ Văn hoá-Đời sống-Khoa giáo		
1.3	Hệ Âm nhạc-Thông tin-Giải trí		
1.4	Hệ phát thanh dân tộc		
1.5	Hệ phát thanh đối ngoại		
1.6	Hệ phát thanh có hình		
2	Số giờ phát thanh trên sóng vô tuyến		
	Số giờ phát thanh trên sóng vô tuyến - chia theo nội dung	(Mã số 2=2.1+2.2+2.3+2.4+2.5+2.6)	
2.1	Hệ Thời sự-Chính trị-Tổng hợp		
2.2	Hệ Văn hoá-Đời sống-Khoa giáo		
2.3	Hệ Âm nhạc-Thông tin-Giải trí		
2.4	Hệ phát thanh dân tộc		
2.5	Hệ phát thanh đối ngoại		
2.6	Hệ phát thanh có hình		
	Số giờ phát thanh trên sóng vô tuyến - chia theo nguồn gốc chương trình	(Mã số 2 = 2.8+2.9+2.10+2.11)	
2.8	Tự sản xuất, phối hợp sản xuất		
2.9	Mua bản quyền trong nước		
2.10	Mua bản quyền nước ngoài		
2.11	Trao đổi		
3	Số giờ phát thanh trên mạng Internet		
3.1	Phát trực tuyến		
3.2	Phát không trực tuyến		

*Phát trực tuyến (trên Internet) là phát trên Internet đồng thời với phát thanh trên sóng

*Phát không trực tuyến (trên Internet) là phát trên Internet sau khi đã phát thanh trên sóng
... ngày ... / ... /20...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Số ĐT cố định
Số ĐT di động
Hộp thư điện tử

(*) Đài phát thanh, Truyền hình của các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương gửi thêm 01 bản báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông